

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 12 – 2020
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng;
2. Ông Phạm Văn Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST -HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Văn A, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 000, ấp 1, xã AP, huyện 2, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 000, ấp 1, xã AP, huyện 2, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 12/10/2020, Biên bản hòa giải ngày 20/11/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Võ Văn A trình bày:*

Anh Võ Văn A và Chị Phạm Thị N được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2007. Sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã AP, huyện 2, tỉnh Đồng Tháp ngày 03/8/2010. Trước khi kết hôn anh chị do quen biết, tìm hiểu nhau. Việc anh

chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Trong thời gian anh Võ Văn A và Chị Phạm Thị N chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay anh A, chị N không hàn gắn tình cảm để cùng sống chung với nhau được. Nay anh A yêu cầu được ly hôn với chị N vì tình cảm không còn, không có khả năng đoàn tụ chung sống cùng nhau.

+ *Về con chung*: Anh Võ Văn A và Chị Phạm Thị N có hai con chung là Võ Thị N1, sinh ngày 19/4/2009 và Võ Thị Như N2, sinh ngày 25/8/2012. Hiện nay cả hai cháu đang sống với anh Võ Văn A. Anh Võ Văn A hiện đi theo máy cắt lúa và buôn bán tạp hóa tại nhà, thời gian rảnh thì hái ớt, thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng. Đồng thời anh Võ Văn A nuôi hai cháu từ nhỏ đến lớn, cho đi học đầy đủ. Cháu N1 học lớp 6, trường trung học cơ sở AP, còn cháu N2 học lớp 3, trường tiểu học AP 1. Nay Anh Võ Văn A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Võ Thị N1, Võ Thị Như N2 đến khi thành niên. Anh Võ Văn A không yêu cầu chị N thực hiện nghĩa vụ cấp cấp dưỡng cho con.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản khai ngày 02/11/2020 và Biên bản hòa giải ngày 20/11/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Chị Phạm Thị N trình bày.*

Chị Phạm Thị N thống nhất theo trình bày của anh Võ Văn A về quá trình chung sống và kết hôn. Trước khi kết hôn anh chị do quen biết. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Trong thời gian chị N, anh A chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay Chị Phạm Thị N đồng ý ly hôn với anh Võ Văn A.

+ *Về con chung*: Chị N với anh A chung sống với nhau có hai con chung là Võ Thị N1, sinh ngày 19/4/2009 và Võ Thị Như N2, sinh ngày 25/8/2012. Từ khi ly thân đến nay hai cháu sống chung với anh A. Hiện Chị Phạm Thị N đang sống tại nhà trọ thuê tại tỉnh ĐN và đang làm bảo vệ công ty ở ĐN, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng. Lý do Chị Phạm Thị N yêu cầu nuôi cháu N2 là do chị N có khả năng nuôi con và khi cháu N2 bệnh thì anh A không nuôi cháu.

Chị Phạm Thị N thống nhất giao cháu Võ Thị N1, sinh ngày 19/4/2009 cho anh Võ Văn A tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị Phạm Thị N không cấp dưỡng cho con. Chị Phạm Thị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Võ Thị Như N2, sinh ngày 25/8/2012 đến khi thành niên. Chị Phạm Thị N không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện 12/10/2020 của anh Võ Văn A.
- Trích lục kết hôn giữa anh Võ Văn A và Chị Phạm Thị N.
- Giấy khai sinh của Võ Thị N1, sinh ngày 19/4/2009 và Võ Thị Như N2, sinh ngày 25/8/2012.
- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của anh Võ Văn A.
- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện.
- Bản khai của Chị Phạm Thị N.
- Bản khai của cháu Võ Thị N1, sinh ngày 19/4/2009 và Võ Thị Như N2, sinh ngày 25/8/2012;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn A và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Phạm Thị N cư trú tại ấp 1, xã AP, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020; vụ án được xét xử vào lúc 8 giờ 00 ngày 10 tháng 12 năm 2020, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2020/QĐST – HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2020, phiên tòa được xét xử vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 22/12/2020, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Võ Văn A và Chị Phạm Thị N được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2007. Sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AP, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 03/8/2010. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa anh Võ Văn A và Chị Phạm Thị N là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Võ Văn A và Chị Phạm Thị N xác định: Trong thời gian anh chị chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay anh Võ Văn A yêu cầu ly hôn với Chị Phạm Thị N và chị N thống nhất ly hôn. Nên công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa anh A và chị N là phù hợp theo Điều 55 Luật hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, từ lúc anh Võ Văn A và Chị Phạm Thị N ly thân cho đến nay, cả cháu Võ Thị N1, sinh ngày 19/4/2009 và Võ Thị Như N2, sinh ngày 25/8/2012 sống với anh A. Anh Võ Văn A hiện đi theo máy cắt lúa và buôn bán tạp hóa tại nhà, thời gian rảnh thì hái ớt, thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng. Đồng thời anh Võ Văn A nuôi hai cháu từ nhỏ đến lớn, cho đi học đầy đủ. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần cho hai cháu, xét điều kiện kinh tế, khả năng chăm sóc nuôi dưỡng của các bên đương sự và nguyện vọng của cháu N1, cháu N2 đều có nguyện vọng chung sống với anh A. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của anh A. Giao cháu Võ Thị N1, sinh ngày 19/4/2009 và Võ Thị Như N2, sinh ngày 25/8/2012 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: anh A không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị N có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở, anh A trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở chị N là người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh A và chị N xác định không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Võ Văn A phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Võ Văn A với Chị

Phạm Thị N.

- Về con chung: Giao cháu Võ Thị N1, sinh ngày 19/4/2009 và Võ Thị Như N2, sinh ngày 25/8/2012 cho anh Võ Văn A được quyền nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị Phạm Thị N không phải cấp dưỡng cho con do anh Võ Văn A không yêu cầu.

Chị Phạm Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở.

Anh Võ Văn A cùng các thành viên gia đình không cản trở Chị Phạm Thị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Anh Võ Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0006817 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Anh Võ Văn A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản bản.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã AP;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Thị Kim Trinh